

Thanh hóa, ngày 08 tháng 12 năm 2025.

## PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA

**Hạng mục SCL: Sửa chữa kiến trúc các TBA: Hoàng Tân 1, Hoàng Quang 1, Bơm Hoàng Quang 1, Bơm Hoàng Quang 2, Hoàng Đại 1, Hoàng Đại 2, Hoàng Tiến 1, Hoàng Phụ 1, Hoàng Ngọc 3, Bơm Đồng Trâm, Hoàng Phúc 1, Hoàng Vinh 1, Tào Xuyên 4, Bơm Hoàng Vinh, Hoàng Trinh 1, Hoàng Trinh 4, Hoàng Sơn 1, Hoàng Khê 1, Tam Phong Châu Lộc, Bơm Hoàng Khánh, Hoàng Hợp 1, Hoàng Kim 1, Hoàng Kim 2, Hoàng Cát 2 -Đội QLĐLKV Hoàng Hóa**

### 1. Lý lịch:

- Tên gọi: các TBA: Hoàng Tân 1, Hoàng Quang 1, Bơm Hoàng Quang 1, Bơm Hoàng Quang 2, Hoàng Đại 1, Hoàng Đại 2, Hoàng Tiến 1, Hoàng Phụ 1, Hoàng Ngọc 3, Bơm Đồng Trâm, Hoàng Phúc 1, Hoàng Vinh 1, Tào Xuyên 4, Bơm Hoàng Vinh, Hoàng Trinh 1, Hoàng Trinh 4, Hoàng Sơn 1, Hoàng Khê 1, Tam Phong Châu Lộc, Bơm Hoàng Khánh, Hoàng Hợp 1, Hoàng Kim 1, Hoàng Kim 2, Hoàng Cát 2 -Đội QLĐLKV Hoàng Hóa

### 2. Tình trạng kỹ thuật hiện trạng:

**2.1. Trạm biến áp Hoàng Tân 1:** Có diện tích đất xây dựng 41.9m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 7.25m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tù nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tù rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.2. Trạm biến áp Hoàng Quang 1:** Có diện tích đất xây dựng 48.3m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 6.25m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp. Nhà tù lớp trát bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được. Cửa nhà tù hoen rỉ, bong tróc sơn.

- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.3. Trạm biến áp Bơm Hoàng Quang 1:** Có diện tích đất xây dựng 43.75m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 9.3m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp. 1 đoạn móng tường rào bị sụt lún xuống ao dài 5.5m. Nhà tù lớp trát bong tróc, rêu mốc.

- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được. Cửa nhà tù hoen rỉ, bong tróc sơn.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.4. Trạm biến áp Bơm Hoàng Quang 2:** Có diện tích đất xây dựng 45m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 8.4m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp. Nhà tù lớp trát bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được. Cửa nhà tù hoen rỉ, bong tróc sơn.

- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.5. Trạm biến áp Hoàng Đại 1:** Có diện tích đất xây dựng 44.7m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 6.615m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tù nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ sét, cửa nhà tù hoen rỉ, bong tróc sơn.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.6. Trạm biến áp Hoàng Đại 2:** Có diện tích đất xây dựng 37.55m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.75m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.7. Trạm biến áp Hoàng Tiên 1:** Có diện tích đất xây dựng 29.7m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.76m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.8. Trạm biến áp Hoàng Phụ 1:** Có diện tích đất xây dựng 39.06m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 8.1m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào không trát mặt trong, mặt ngoài sơn bong tróc. Tường nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp.

- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.9. Trạm biến áp Hoàng Ngọc 3:** Có diện tích đất xây dựng 30.21m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.75m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.10. Trạm biến áp Bơm Đồng Trâm:** Có diện tích đất xây dựng 27.64m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 5.5m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được. Cửa nhà tủ sơn bong tróc
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.11. Trạm biến áp Hoàng Phúc 1:** Có diện tích đất xây dựng 30.21m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.72m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.12. Trạm biến áp Hoàng Vinh 1:** Có diện tích đất xây dựng 49.6m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.75m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tủ nứt nghiêng, bong rộp, đổ 1 phần tường rào.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.13. Trạm biến áp Tào Xuyên 4:** Có diện tích đất xây dựng 39m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 6.48m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nứt nghiêng, bong rộp. Nhà tủ lớp trát bong tróc, rêu mốc.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ hoen rỉ, bong tróc sơn.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.14. Trạm biến áp Bơm Hoàng Vinh:** Có diện tích đất xây dựng 36.85m<sup>2</sup> trong đó nhà tủ 5.75m<sup>2</sup>, trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tủ lớp vữa trát bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ bong tróc sơn.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.15. Trạm biến áp Hoàng Khê 1:** Có diện tích đất xây dựng 54,2m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 5,75 m<sup>2</sup>, TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Lớp vữa trát bị bong tróc, ẩm mốc;
- Cửa cổng hoen rỉ, hư hỏng chỉ còn sử dụng tạm thời.
- Nhà tù: Lớp vữa trát, lớp vữa láng mái bong rộp, ẩm mốc đọng nước. Cửa nhà tù han rỉ.

- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.16. Trạm biến áp Tam Phong-Châu Lộc:** Có diện tích đất xây dựng 39,69m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 6,2 m<sup>2</sup>, TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Lớp vữa trát tường rào hiện trạng đã bong tróc, hoen ố. Cửa cổng han rỉ, hư hỏng, chỉ còn sử dụng tạm thời.

- Nhà tù: Lớp vữa trát tường bong rộp, ẩm mốc. Phần mái nhà tù nứt vỡ. Cửa nhà tù han rỉ.

- - Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

**2.17. Trạm biến áp Hoàng Cát 2:** Có diện tích đất xây dựng 38,7m<sup>2</sup> trong đó nhà tù 5.06 m<sup>2</sup>, TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Mặt trước hư hỏng, nghiêng nứt. Các mặt còn lại bong tróc, ẩm mốc.

- Nhà tù: Tường nứt, trần nhà thấm ngấm

- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước

- Cửa cổng, cửa nhà tù hư hỏng, han gỉ không sử dụng được

**2.18. Trạm biến áp Hoàng Kim 1:** Có diện tích đất xây dựng 38,04m<sup>2</sup>, TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Chưa có tường hiện hữu của trạm mà tận dụng nhà xây xung quanh rào lại.

- Nền trạm thấp hơn mặt đường 90cm, ngập úng, đọng nước.

- Cổng trạm: Cổng đang được rào tạm bằng lưới B40.

**2.19. Trạm biến áp Hoàng Kim 2:** Có diện tích đất xây dựng 28,7m<sup>2</sup>, TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Tường rào hiện trạng đã hư hỏng, nghiêng nứt. Cổng đang được rào tạm bằng lưới B40.

- Nền trạm: thấp hơn mặt đường 30cm, sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

- Cửa cổng hư hỏng, han gỉ không sử dụng được.

### **3. Phương án xử lý:**

Để đảm bảo an toàn sử dụng và vận hành, TBA cần được sửa chữa như sau :

#### **3.1. Trạm biến áp Hoàng Tân 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá dỡ toàn bộ nhà tù xây lại. Thay cửa đi nhà tù. Xây bệ tù điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tù bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

#### **3.2. Trạm biến áp Hoàng Quang 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Đục, trát lại tường, láng lại trần. Sơn lại cửa đi nhà tù. Xây bệ tù điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tù bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.3. Trạm biến áp Bơm Hoằng Quang 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Trát lại tường, láng lại trần. Sơn lại cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Gia cố, trát lại chân móng tường rào.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.4. Trạm biến áp Bơm Hoằng Quang 2:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường, láng lại trần. Sơn lại cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Trát lại chân móng tường rào.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.5. Trạm biến áp Hoằng Đại 1:**

- Tường rào: Phá phần tường rào trạm biến áp xây lại. Trát, sơn lại mặt trong phần tường rào nhà văn hóa. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Sơn lại cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.6. Trạm biến áp Hoằng Đại 2:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.7. Trạm biến áp Hoằng Tiến 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm (20cm đá mặt + tận dụng gạch vỡ từ nhà tủ tường rào cũ, 10cm bê tông 1x2 M200)
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.8. Trạm biến áp Hoằng Phụ 1:**

- Tường rào: Trát lại mặt trong tường rào, sơn lại mặt ngoài. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.9. Trạm biến áp Hoàng Ngọc 3:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm (tận dụng gạch xả từ nhà tủ tường rào cũ, 10cm bê tông)
- Đổ bê tông đường trước cổng trạm diện tích 16.7m<sup>2</sup>
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.10. Trạm biến áp Bơm Đồng Trâm:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Sơn lại tường, láng lại trần. Sơn lại cửa đi nhà tủ.
- Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.11. Trạm biến áp Hoàng Phúc 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.12. Trạm biến áp Hoàng Vinh 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.13. Trạm biến áp Tào Xuyên 4:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Sơn lại cửa cổng trạm.
- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường, láng lại trần. Sơn lại cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### **3.14. Trạm biến áp Bơm Hoàng Vinh:**

- Tường rào: Đục, trát, sơn lại toàn bộ tường rào. Sơn cửa cổng trạm.
- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường nhà tủ. Sơn lại cửa đi nhà tủ. Xây bệ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Đổ bê tông đường trước cổng trạm diện tích 20.1m<sup>2</sup>
- Xây bao bệ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

### 3.15. Trạm biến áp Hoàng Khê 1:

- Tường rào: Đục toàn bộ lớp vữa tường và trát và sơn lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá lớp vữa tường, trát và sơn lại, lán dốc mái nhà tù để thoát nước. cửa nhà tù đánh rỉ sơn lại 1 nước lót 2 nước phủ

- Đổ bê tông nền trạm, bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

### 3.16. Trạm biến áp Tam Phong Châu Lộc:

- Tường rào: Đục toàn bộ lớp vữa tường và trát và sơn lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá bỏ mái, đổ lại trần nhà tù. Phá lớp vữa tường xung quanh, trát và sơn lại. Sơn lại cửa đi nhà tù.

- Nền trạm: Đổ bê tông nền trạm, bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

### 3.17. Trạm biến áp Hoàng Cát 2:

- Tường rào: Phá tường rào mặt trước xây lại, phá toàn bộ lớp vữa tường của 3 bức tường còn lại và trát, sơn lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá dỡ toàn bộ nhà tù xây lại. Thay cửa đi nhà tù.

- Tôn nền TBA lên 10cm bê tông đá 1x2 M200.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

### 3.18. Trạm biến áp Hoàng Kim 1:

- Tường rào: Xây lại tường rào mặt trước, xây tường chắn phía sau để tôn nền và trừ lại khu thoát nước. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Tôn nền TBA lên 80cm (trong đó 70cm đá mặt, 10cm bê tông đá 1x2 M200).

- Bổ sung cục kê bệ MBA và kê bệ tủ 0.4kV cao 40cm.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA.

### 3.19. Trạm biến áp Hoàng Kim 2:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Tôn nền TBA lên 40cm (trong đó 30cm đá mặt, 10cm bê tông đá 1x2 M200).

- Bổ sung cục kê máy biến áp.

- Xây lại bệ tủ ngoài trời.

- Xây bao bệ máy biến áp.

- Bổ sung khóa cổng TBA.

## 4. Khối lượng sửa chữa:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
	<b>SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOÀNG TÂN 1:</b>		
	<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>		
1	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
2	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
3	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820

4	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
5	Lót nền sân bằng nilong	m2	32,2886
6	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,2289
7	Tháo dỡ cửa công	m2	2,4000
8	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	4,0586
9	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,6820
10	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,6820
11	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,6820
12	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,6820
13	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,6820
14	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0263
15	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,1523
16	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1073
17	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6$ m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,1797
18	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,6182
19	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	10,7300
20	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	118,6056
21	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
22	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	37,9600
23	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bảo bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	135,4606
24	Gia công công sắt	tấn	0,0828
25	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
26	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
27	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
28	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,8000
29	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,9380
30	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	5,2782
31	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	7,0200
32	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	8,8290
33	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,8290
34	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,8290
35	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	8,8290
36	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	8,8290
37	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0095

38	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0654
39	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0397
40	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4365
41	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m <sup>3</sup>	0,5068
42	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,5068
43	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>3</sup>	4,5140
44	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0005
45	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0033
46	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m <sup>2</sup>	0,0124
47	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,0264
48	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0119
49	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0660
50	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0397
51	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4365
52	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m <sup>2</sup>	0,0958
53	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,1434
54	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	1,1550
55	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m <sup>2</sup>	11,5500
56	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	9,5800
57	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	10,9900
58	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	2,0320
59	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	26,8320
60	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	17,6360
61	Trát gờ chi, vữa XM M100, PCB40	m	26,4000
62	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	43,2640
63	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	24,5116
64	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
65	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	62,5000
66	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
67	Lắp dựng cửa khung sắt	m <sup>2</sup>	2,3000
68	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000

69	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
70	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOẢNG TẦN 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOẢNG QUANG 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỘ MBA:</b>			
71	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
72	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
73	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
74	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
75	Lót nền sân bằng nilong	m2	35,3876
76	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,5388
<b>SỬA CHỮA TƯỜNG RÀO:</b>			
77	Tháo dỡ cửa cổng	m2	4,8000
78	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	9,5080
79	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	13,3112
80	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	13,3112
81	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	13,3112
82	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	13,3112
83	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	13,3112
84	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0318
85	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1856
86	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1298
87	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,4278
88	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,6953
89	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	12,9800
90	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	144,3240
91	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
92	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	45,4800
93	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	163,4290
94	Gia công cổng sắt	tấn	0,0828
95	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	82,8000
96	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
97	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600

98	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,8000
99	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,2436
100	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	5,2200
101	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	23,7600
102	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	25,5000
103	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	9,6100
104	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,0570
105	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,0570
106	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,0570
107	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,0570
108	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,0570
109	Trát tường ngoài dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	58,7236
110	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,2436
111	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	5,2200
112	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1.5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	25,5000
113	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	23,7600
114	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	12,4000
115	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	9,6100
116	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	30,7200
117	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	28,0036
118	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,6000
119	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	lm2	3,6000
120	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
121	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
122	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
123	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
	<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>		
124	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1307
125	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	3,0294
126	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1890
127	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
128	Lót nền sân bằng nilong	m2	31,1266
129	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,1127
130	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,2400
131	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,8586
132	Phá dỡ móng đá	m3	2,9200
133	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	17,5200

134	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	10,8900
135	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	10,8900
136	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	10,8900
137	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	10,8900
138	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	10,8900
139	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	2,5824
140	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0274
141	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1580
142	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1229
143	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,3525
144	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,7177
145	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	12,2900
146	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	92,5482
147	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
148	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	41,8000
149	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	110,9632
150	Gia công công sắt	tấn	0,0828
151	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
152	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
153	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
154	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,6650
155	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	6,5436
156	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	6,8400
157	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	26,1000
158	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	34,9350
159	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	12,9500
160	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	9,9615
161	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,9615
162	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,9615
163	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	9,9615
164	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	9,9615
165	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	6,5436
166	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	6,8400
167	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	34,9350

168	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	26,1000
169	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	14,4000
170	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	12,9500
171	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	41,7750
172	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	32,6436
173	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	1,6650
174	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	1,6650
175	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,6650
176	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
177	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
178	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOÀNG QUANG 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BOM HOÀNG QUANG 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
179	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,2570
180	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,9568
181	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,3640
182	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
183	Lót nền sân bằng nilong	m2	33,2896
184	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,3594
185	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,7000
186	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,1044
187	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	9,2640
188	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,9129
189	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,9129
190	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,9129
191	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9129
192	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9129
193	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0279
194	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1613
195	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1305
196	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,5585
197	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,9734

198	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	13,0500
199	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	157,8992
200	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,9650
201	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	48,0400
202	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	177,9142
203	Gia công công sắt	tấn	0,0828
204	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
205	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
206	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
207	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,6200
208	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	5,0176
209	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	5,5800
210	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	23,4360
211	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	36,2800
212	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	10,8000
213	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,4600
214	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,4600
215	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,4600
216	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,4600
217	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,4600
218	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	5,0176
219	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	5,5800
220	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	36,2800
221	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	23,4360
222	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	13,2000
223	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	10,8000
224	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	41,8600
225	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	5,0176
226	Gia công cửa sắt	tấn	0,0592
227	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	59,2000
228	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
229	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,6200
230	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
231	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
232	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BOM HOÀNG QUANG 2:</b>			

<b>SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOÀNG ĐẠI 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
233	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
234	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
235	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
236	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
237	Lót nền sân bằng nilong	m2	31,4676
238	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,1468
239	Tháo dỡ cửa công	m2	1,9600
240	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	1,9812
241	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	16,5464
242	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	3,0715
243	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	3,0715
244	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	3,0715
245	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	3,0715
246	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	3,0715
247	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0110
248	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0808
249	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0628
250	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,6556
251	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	3,5769
252	Trát tường ngoài dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	16,5464
253	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	79,2008
254	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
255	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	21,6000
256	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	85,3258
257	Gia công công sắt	tấn	0,0828
258	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
259	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
260	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
261	Tháo dỡ cửa nhà tủ	m2	1,6200
262	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	1,0065
263	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,6930
264	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,5767
265	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	7,5767

266	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,5767
267	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,5767
268	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,5767
269	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0095
270	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0647
271	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0377
272	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4145
273	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,4543
274	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4543
275	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,6837
276	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
277	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
278	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124
279	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
280	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0119
281	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0653
282	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0377
283	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4145
284	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0454
285	$(3,05+2,7)*2*0,3/100 = 0,034$		0,0127
286	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,1423
287	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,0065
288	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	10,0650
289	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,5400
290	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,8300
291	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	2,0320
292	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	24,5220
293	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,7070
294	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,4000
295	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	36,6740

296	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	22,8116
297	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,6000
298	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	l m2	3,6000
299	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,3000
300	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
301	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
302	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOẢNG ĐẠI 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOẢNG ĐẠI 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
303	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1927
304	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,1464
305	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,3640
306	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
307	Lót nền sân bằng nilong	m2	29,8176
308	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,9818
309	Tháo dỡ cửa công	m2	1,9600
310	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,0633
311	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,6886
312	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,6886
313	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,6886
314	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,6886
315	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,6886
316	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0263
317	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1515
318	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1193
319	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,3117
320	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,0758
321	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	11,9300
322	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	63,7488
323	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
324	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	40,5600

325	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	81,8038
326	Gia công cổng sắt	tấn	0,0828
327	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	82,8000
328	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
329	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
330	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,8000
331	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,8400
332	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	4,8400
333	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,9520
334	Vận chuyển bằng thủ công 10m khối diêm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	7,9520
335	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	7,9520
336	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,9520
337	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,9520
338	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0095
339	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0654
340	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0381
341	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6$ m, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
342	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,5356
343	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,5356
344	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,3182
345	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0005
346	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0033
347	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124
348	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
349	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0119
350	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0660
351	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0571
352	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6$ m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
353	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0936
354	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 28$ m	tấn	0,1434
355	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,0230
356	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	9,3600

357	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	7,7900
358	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	2,0320
359	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	25,8080
360	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,9120
361	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	26,0000
362	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	10,2300
363	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	35,2410
364	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	21,4316
365	Gia công cửa sắt	tán	0,0625
366	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
367	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
368	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
369	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
370	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
371	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP HOẢNG ĐẠI 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOẢNG TIỀN 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỘ MBA:</b>			
372	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,2570
373	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,3144
374	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,5460
375	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
376	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	3,7147
377	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	1,4741
378	Lót nền sân bằng nilong	m2	25,9440
379	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M250, đá 1x2, PCB40	m3	2,6296
380	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,8900
381	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	3,7147
382	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,2006
383	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,2006
384	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,2006
385	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tán	0,0259
386	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tán	0,1497
387	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1112

388	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,2232
389	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,6041
390	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	11,1200
391	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	59,1660
392	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
393	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	37,8800
394	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	76,4110
395	Gia công công sắt	tấn	0,0828
396	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
397	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
398	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
399	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,8000
400	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,7975
401	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	5,5193
402	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,9104
403	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,9104
404	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,9104
405	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,9104
406	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,9104
407	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	4,5760
408	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	1,5101
409	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0095
410	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0654
411	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0381
412	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
413	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	0,9331
414	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4666
415	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,3182
416	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
417	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
418	Ván khuôn gỗ lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124

419	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
420	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0119
421	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0660
422	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0381
423	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
424	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m <sup>2</sup>	0,0943
425	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,1434
426	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,0240
427	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	9,4300
428	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	9,3220
429	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	2,0320
430	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	25,8080
431	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	16,7760
432	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,6000
433	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m <sup>2</sup>	10,2400
434	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	40,4520
435	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	23,1696
436	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
437	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
438	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
439	Lắp dựng cửa khung sắt	m <sup>2</sup>	1,8000
440	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
441	Xây tường thẳng gạch bê tông 10.5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
442	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG TIỀN 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG PHỤ 1:</b>			
443	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	7,6000
444	Lót nền sân bằng nilong	m <sup>2</sup>	38,0000
445	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,8000
446	Tháo dỡ cửa công	m <sup>2</sup>	2,5500
447	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m <sup>2</sup>	92,6805
448	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,6682
449	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,6682

450	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,6682
451	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,6682
452	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,6682
453	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,0660
454	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	93,2805
455	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,4050
456	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	23,8300
457	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	99,6855
458	Gia công cổng sắt	tấn	0,0828
459	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	82,8000
460	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
461	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,4000
462	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,8000
463	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	1,1895
464	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	5,3239
465	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	9,1188
466	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,1188
467	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,1188
468	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	9,1188
469	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	9,1188
470	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	1,5420
471	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0132
472	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0723
473	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0425
474	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4673
475	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	2,4719
476	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,5749
477	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,9167
478	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
479	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
480	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124

481	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
482	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0132
483	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$ , chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,0744
484	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0425
485	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4673
486	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m <sup>2</sup>	0,1095
487	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$ , chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,1701
488	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	1,1895
489	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	10,9500
490	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	10,3450
491	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	2,0320
492	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	28,6240
493	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	19,1410
494	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	27,8000
495	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	11,8950
496	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	0,6200
497	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	44,6210
498	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	26,8376
499	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
500	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
501	Khoá treo Việt Tiếp	cái	1,0000
502	Lắp dựng cửa khung sắt	m <sup>2</sup>	1,8000
503	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
504	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>3</sup>	0,1739
505	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG PHỤ 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG NGỌC 3:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
506	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$ , vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>3</sup>	0,2746
507	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	5,6784
508	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m <sup>3</sup>	0,6300
509	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
510	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m <sup>3</sup>	5,4010
511	Lót nền sân bằng nilong	m <sup>2</sup>	36,4548

512	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,6455
513	Tháo dỡ cửa công	m2	2,5500
514	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	3,4277
515	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	4,7988
516	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	4,7988
517	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	4,7988
518	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,4475
519	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0246
520	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,1425
521	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1126
522	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6$ m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,2384
523	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,3484
524	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	11,2600
525	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	62,9905
526	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,6850
527	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	38,3400
528	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	80,9355
529	Gia công công sắt	tấn	0,0828
530	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
531	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
532	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
533	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,4400
534	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	1,1340
535	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	4,8145
536	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	8,3279
537	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,3279
538	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,3279
539	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,3260
540	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,3260
541	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,6912
542	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0095
543	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0654

544	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0381
545	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4189
546	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m <sup>3</sup>	2,0019
547	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4656
548	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>3</sup>	4,4732
549	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
550	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
551	Ván khuôn gỗ lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m <sup>2</sup>	0,0124
552	Bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,0264
553	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0119
554	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0660
555	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m <sup>2</sup>	0,0381
556	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	0,4189
557	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m <sup>2</sup>	0,0942
558	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,1434
559	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m <sup>3</sup>	1,0230
560	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	9,4200
561	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	9,3220
562	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	2,0320
563	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	24,7680
564	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m <sup>2</sup>	15,9120
565	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,6000
566	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m <sup>2</sup>	10,2300
567	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m <sup>2</sup>	2,7000
568	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	39,4120
569	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	22,2956
570	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
571	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
572	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
573	Lắp dựng cửa khung sắt	m <sup>2</sup>	1,8000
574	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000

575	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
576	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG NGỌC 3:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA BƠM ĐỒNG TRÂM:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
577	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
578	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
579	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
580	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
581	Lót nền sân bằng nilong	m2	25,4396
582	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,5440
583	Tháo dỡ cửa công	m2	2,5500
584	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	8,3668
585	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	11,7135
586	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	11,7135
587	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	11,7135
588	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	11,7135
589	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	11,7135
590	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0246
591	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1426
592	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1126
593	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,2384
594	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,3484
595	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	11,2600
596	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	56,4466
597	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,6850
598	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	38,3400
599	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	74,3916
600	Gia công công sắt	tấn	0,0828
601	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
602	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
603	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
604	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,8000

605	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,6256
606	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,9500
607	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	24,3140
608	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	26,8700
609	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	8,6800
610	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,2319
611	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,2319
612	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,2319
613	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,2319
614	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,2319
615	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	3,6256
616	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,9500
617	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	26,8700
618	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	24,3140
619	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,8000
620	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	8,6800
621	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	31,8200
622	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	27,9396
623	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,6000
624	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	lm2	3,6000
625	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,7100
626	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
627	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
628	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
	<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA BƠM ĐỒNG TRÂM:</b>		
	<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG PHÚC 1:</b>		
	<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>		
629	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,6178
630	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	3,1824
631	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
632	Lót nền sân bằng nilong	m2	27,8796
633	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,7880
634	Tháo dỡ cửa công	m2	2,4000
635	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,2239
636	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,9135

637	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,9135
638	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,9135
639	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9135
640	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9135
641	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0253
642	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1464
643	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1209
644	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,3297
645	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,5799
646	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	12,0900
647	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	59,1836
648	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
649	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	40,0400
650	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	77,3986
651	Gia công công sắt	tấn	0,0828
652	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
653	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
654	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
655	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,6200
656	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,8320
657	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	5,0890
658	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	8,2894
659	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,2894
660	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	8,2894
661	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	8,2894
662	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	8,2894
663	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0095
664	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0654
665	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0381
666	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
667	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,4626
668	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4626

669	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	3,7118
670	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
671	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
672	Ván khuôn gỗ lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124
673	Bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
674	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0119
675	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0660
676	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0381
677	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,4189
678	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0939
679	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,1434
680	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,0200
681	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	9,3900
682	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,8900
683	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	2,0320
684	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	24,7680
685	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,9120
686	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,6000
687	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	10,2000
688	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	35,9800
689	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	22,2656
690	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
691	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
692	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
693	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
694	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
695	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
696	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG PHÚC 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG VINH 1:</b>			
697	Lót nền sân bằng nilong	m2	32,0000

698	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,2000
699	Tháo dỡ cửa cống	m2	2,4000
700	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	4,9290
701	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	6,9006
702	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,9006
703	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,9006
704	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,9006
705	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,9006
706	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0307
707	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,1787
708	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1401
709	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6$ m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,5413
710	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6$ m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,8141
711	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	14,0100
712	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	71,2264
713	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
714	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	47,5200
715	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	91,3614
716	Gia công công sắt	tấn	0,0828
717	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
718	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
719	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
720	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,6200
721	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,7000
722	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22$ cm	m3	4,4396
723	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,1954
724	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,1954
725	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,1954
726	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,1954
727	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,1954
728	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0088
729	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao $\leq 6$ m	tấn	0,0603
730	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0349

731	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3837
732	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,3832
733	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3832
734	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	3,9266
735	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0005
736	Lắp dựng cốt thép lạnh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0033
737	Ván khuôn gỗ lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,0124
738	Bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,0264
739	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0119
740	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0660
741	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0349
742	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3837
743	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0827
744	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,1367
745	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,8990
746	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	8,2700
747	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,4100
748	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	2,0320
749	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	23,7600
750	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,0560
751	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	24,0000
752	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	8,9900
753	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	34,2520
754	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	20,4556
755	Gia công cửa sắt	tấn	0,0625
756	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	62,5000
757	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
758	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,8000
759	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
760	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
761	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640

<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG VINH 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA TÀO XUYỀN 4:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
762	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
763	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
764	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
765	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
766	Lót nền sân bằng nilong	m2	36,0000
767	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,6000
768	Tháo dỡ cửa công	m2	24,0000
769	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,2743
770	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,9840
771	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,9840
772	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,9840
773	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9840
774	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,9840
775	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0252
776	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1458
777	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1143
778	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,2575
779	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,3951
780	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	11,4300
781	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	57,3804
782	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
783	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	38,9200
784	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	74,9354
785	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	5,1200
786	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	lm2	5,1200
787	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,1300
788	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,6200
789	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,4296
790	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	5,3100
791	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	20,8920
792	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	24,3900
793	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	9,9000

794	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,1686
795	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	1,1686
796	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	1,1686
797	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,1686
798	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,1686
799	Trát tường ngoài dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	55,0216
800	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,4296
801	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	5,3100
802	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	24,3900
803	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	20,8920
804	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	12,6000
805	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	9,9000
806	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	29,7000
807	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	25,3216
808	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,2400
809	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	3,2400
810	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,4400
811	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA TÀO XUYÊN 4:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA BƠM HOÀNG VINH:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
812	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
813	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
814	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
815	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
816	Lót nền sân bằng nilong	m2	52,0000
817	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	5,2000
818	Tháo dỡ cửa công	m2	3,0000
819	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	63,9236
820	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	5,2850
821	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,2458
822	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	1,2458
823	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	1,2458
824	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,2458
825	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,2458

826	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	63,9236
827	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,2850
828	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	69,2086
829	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	6,0000
830	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	6,0000
831	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
832	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,6200
833	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,2436
834	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,0100
835	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	20,7940
836	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	28,3800
837	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	8,0600
838	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,1608
839	Vận chuyển bằng thủ công 10m khối điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,1608
840	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,1608
841	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,1608
842	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,1608
843	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,2436
844	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	3,0100
845	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	28,3800
846	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	20,7940
847	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,4000
848	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	8,0600
849	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	31,3900
850	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	25,0376
851	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,2400
852	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	3,2400
853	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,6200
854	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
855	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
856	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA BƠM HOÀNG VINH:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG KHÊ 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
857	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285

858	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
859	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
860	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
861	Lót nền sân bằng nilong	m2	49,0249
862	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	4,9025
863	Tháo dỡ cửa công	m2	2,7200
864	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	122,5999
865	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	5,2850
866	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	2,3019
867	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,3019
868	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,3019
869	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	2,3019
870	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	2,3019
871	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	122,5999
872	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,2850
873	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	127,8849
874	Gia công công sắt	tân	0,0828
875	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	82,8000
876	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
877	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
878	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,4400
879	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,8316
880	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,6350
881	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	19,1280
882	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	23,5200
883	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	8,2350
884	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,0503
885	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,0503
886	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,0503
887	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,0503
888	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,0503
889	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	3,8316
890	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	3,6350
891	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	23,5200
892	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	19,1280
893	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,5000

894	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	8,2350
895	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	27,1550
896	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	22,9596
897	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	2,8800
898	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	2,8800
899	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,4400
900	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	
901	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
902	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG KHÊ 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA TAM PHONG CHÂU LỘC:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
903	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
904	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
905	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
906	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
907	Lót nền sân bằng nilong	m2	31,5126
908	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,1513
909	Tháo dỡ cửa cổng	m2	5,1000
910	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	78,6324
911	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	6,4050
912	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,5307
913	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,5307
914	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,5307
915	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,5307
916	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,5307
917	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	78,6324
918	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,4050
919	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	85,0374
920	Gia công cửa sắt	tấn	0,1388
921	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	138,8000
922	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
923	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	4,8000
924	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	2,0000
925	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,8060

926	Phá dỡ xà, dầm, giằng bê tông bằng thủ công	m3	0,3573
927	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	15,7520
928	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	19,6000
929	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	2,2650
930	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,2650
931	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,2650
932	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	2,2650
933	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	2,2650
934	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0132
935	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0723
936	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	1,1812
937	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0325
938	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,0741
939	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3573
940	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,8060
941	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	3,2136
942	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	4,2000
943	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	19,6000
944	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,7520
945	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,4000
946	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	8,0600
947	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	23,8000
948	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	18,9656
949	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	4,0000
950	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	4,0000
951	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,0000
952	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
953	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
954	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA TAM PHÒNG CHÂU LỘC:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG KIM 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
955	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1241

956	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,8764
957	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
958	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m2	0,0075
959	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,1500
960	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tấn	0,0177
961	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, cột ≤2,5T bằng máy	cái	2,0000
962	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
963	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	21,6000
964	Lót nền sân bằng nilong	m2	36,0000
965	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,6000
966	Tháo dỡ cửa công	m2	4,9000
967	Đào móng băng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất III	l m3	8,2735
968	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M100, đá 4x6, PCB30	m3	1,8144
969	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	11,2030
970	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	16,7760
971	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	2,7580
972	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0359
973	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,2047
974	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1561
975	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,7169
976	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,0074
977	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,6000
978	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	64,9236
979	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,5650
980	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	3,2800
981	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	86,0990
982	Gia công công sắt	tấn	0,0828
983	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	83,0000
984	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
985	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
986	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739

987	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG KIM 1:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG KIM 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
988	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1241
989	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,8764
990	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1680
991	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
992	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	11,4000
993	Lót nền sân bằng nilong	m2	38,0000
994	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,8000
995	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,1600
996	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,4646
997	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	6,2510
998	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,2500
999	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,2500
1000	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,2500
1001	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,2500
1002	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0337
1003	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,1757
1004	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,1460
1005	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,6060
1006	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,5884
1007	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	14,6000
1008	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	452,2120
1009	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,8450
1010	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	49,4800
1011	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	472,6570
1012	Gia công công sắt	tấn	0,0828
1013	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	83,0000
1014	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
1015	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
1016	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739

1017	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640
<b>TỔNG NHÓM: SỬA CHỮA TBA HOÀNG KIM 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA TBA HOÀNG CÁT 2:</b>			
<b>SỬA CHỮA BỆ MBA:</b>			
1018	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1285
1019	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,9784
1020	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,1820
1021	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,0000
1022	Lót nền sân bằng nilong	m2	38,4294
1023	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,8430
1024	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,9700
1025	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	71,8283
1026	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	1,2330
1027	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	3,0191
1028	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	3,0190
1029	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	3,0190
1030	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	3,0190
1031	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	3,0190
1032	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0067
1033	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,0389
1034	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,0317
1035	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3487
1036	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	1,9401
1037	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	3,2000
1038	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	85,6790
1039	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,1250
1040	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại I nước lót + 2 nước phủ	m2	94,9740
1041	Gia công công sắt	tấn	0,0828
1042	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	83,0000
1043	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
1044	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,5600
1045	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	1,6150
1046	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	0,7502
1047	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,2736
1048	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	5,3400

1049	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	16,7840
1050	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	20,8850
1051	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	8,1200
1052	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	2,0293
1053	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,0300
1054	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	2,0300
1055	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	2,0300
1056	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	2,0300
1057	Trát trần, vữa XM M100, PCB40	m2	3,2740
1058	Trát trần, vữa XM M100, PCB40	m2	5,3400
1059	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	20,8850
1060	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	16,7840
1061	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,4000
1062	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	8,1200
1063	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,3274
1064	Sơn dầu, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	26,2250
1065	Sơn dầu, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	20,0580
1066	Gia công cửa sắt	tán	0,0552
1067	Mạ kẽm nhúng nóng cổng sắt	kg	55,0000
1068	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,0000
1069	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,4450
1070	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,0000
1071	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,1739
1072	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,8640

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA**  
**PHÒNG KỸ THUẬT**  
**PHÓ PHÒNG** **NGƯỜI LẬP**



**Phạm Quang Đăng**



**Mai Hồng Hiệp**